

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST

Ngày: 28/4/2020

V/v tranh chấp **hợp đồng vay tài sản**.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Ông Nguyễn Văn Khanh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **394/2019/TLST-DS** ngày **06 tháng 12 năm 2019** về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **54/2020/QĐXX-ST** ngày **05 tháng 3** năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp L, xã H, huyện M, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1983; địa chỉ: số 477A/24, đường Q, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: đường Đ (nối dài), ấp L, thị trấn C, huyện M, tỉnh An Giang. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019), (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Lê Bảo Q, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Kim Ng, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Ph trình bày: Do quen biết nên ngày 01/02/2016 (nhằm ngày 09/3dl/2016), bà Th có cho ông Nguyễn Lê Bảo Q, vay số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, mục đích vay để mua bán và sinh hoạt trong gia đình, thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, thời hạn trả nợ là 01 năm kể từ ngày vay. Khi vay có làm biên nhận, ông Q có ký tên vào biên nhận. Từ khi vay, ông Q, bà Ng có trả lãi từ ngày 09/3/2016 đến ngày 26/02/2017 được 12 tháng x 1.500.000 đồng = 18.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Bà Th có yêu cầu ông Q, bà Ng trả lãi và vốn vay nhiều lần, nhưng ông Q, bà Ng chỉ trả vốn được 17.000.000 đồng, còn nợ lại 33.000.000 đồng thì không thực hiện trả vốn gốc, lãi đến nay. Nay, bà Th yêu cầu ông Nguyễn Lê Bảo Q, bà Trương Thị Kim Ng (là vợ ông Q) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay 33.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 27/02/2017 đến ngày Tòa án xét xử.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Xin rút lại một phần yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 27/02/2017 đến ngày Tòa án xét xử trên số vốn vay 33.000.000 đồng đối với ông Q, bà Ng, chỉ yêu cầu ông Q, bà Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th số tiền vốn 33.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Lê Bảo Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Kim Ng được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được. Tuy nhiên, ngày 31/3/2020, bà Th có nộp văn bản nêu ý kiến về việc vợ chồng bà (Nguyễn Lê Bảo Q, Trương Thị Kim Ng) có vay tiền của bà Nguyễn Thị Hồng Th số tiền 50.000.000 đồng, đã trả được 17.000.000 đồng, hiện còn nợ bà Th 33.000.000 đồng. Vợ chồng bà đồng ý trả số tiền 33.000.000 đồng cho bà Th, nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và yêu cầu không tính lãi, vì hoàn cảnh hiện nay khó khăn.

Tại phiên tòa, bà Ng giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Lê Bảo Q. Ông Q có nơi cư trú ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Lê Bảo Q được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227

của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Ph yêu cầu ông Q, bà Ng trả số tiền vay. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp Hợp đồng dân sự về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, có ý kiến rút yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và đây là quyền tự định đoạt của đương sự. Căn cứ Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu ông Nguyễn Lê Bảo Q thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 33.000.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là “*Giấy tay cho mượn tiền ngày 01/02/2016*”, có chữ ký tên của Q. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông Q tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông Q vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Kim Ng trình bày: bà và ông Nguyễn Lê Bảo Q là vợ chồng, hiện vẫn còn chung sống. Vào khoảng năm 2016, vợ chồng bà có vay của bà Th số tiền 50.000.000 đồng, đã trả 17.000.000 đồng, hiện còn nợ 33.000.000 đồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, có đủ cơ sở xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và việc ông Q đã vay tiền của của nguyên đơn (bà Th) 50.000.000 đồng vào ngày 01/02/2016, đã trả 17.000.000 đồng, hiện còn nợ 33.000.000 đồng, là có thật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn. Nay, bà Th khởi kiện yêu cầu ông Q trả số tiền vốn vay là còn nợ 33.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Ng cùng với ông Q trả số tiền vay 33.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa bà Th với ông Q, bà Ng không tham gia cùng với bà Th trong giao dịch này. Tuy nhiên, bà Ng và ông Q là vợ chồng, bà Ng cũng biết việc này và tại phiên tòa, bà Ng cũng đồng ý cùng ông Q trả số nợ này cho bà Th. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014, buộc bà Ng cùng có trách nhiệm liên đới với ông Q trả cho bà Th số tiền vay 33.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Xét, yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ 33.000.000 đồng của bà Ng. Hội đồng xét xử xét thấy, số nợ này đã lâu nay lại yêu cầu trả dần làm thiệt hại đến quyền, lợi ích của nguyên đơn và tại phiên tòa hôm nay, yêu cầu này của bị đơn cũng không được phía người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[9] Từ cơ sở phân tích trên, có cơ sở buộc ông Q, bà Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th số tiền vốn 33.000.000 đồng.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Q, bà Ng phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Th nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Th đối với ông Nguyễn Lê Bảo Q, bà Trương Thị Kim Ng.

Buộc ông Nguyễn Lê Bảo Q, bà Trương Thị Kim Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Th số tiền vốn 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Th về yêu cầu tính lãi đối với số tiền 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Lê Bảo Q, bà Trương Thị Kim Ng phải chịu 1.650.000 (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 825.000 (tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng cho bà Nguyễn Thị Hồng Th, theo biên lai thu số 0007601 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp ngày 06/12/2019.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình

